TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Dũng.
2. Ông Nguyễn Đức Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* không tham gia.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TB-TLVA ngày 09 tháng 01 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thụy Cẩm T, sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp LB A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Hoàng A, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp BX, xã TPh, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị T có mặt, anh Hoàng A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 04 tháng 01 năm 2019 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thụy Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Triệu Hoàng A tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPh, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào ngày 10/5/2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 3/2017, vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nhưng được gia đình khuyên ngăn nên chị trở về chung sống. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị vẫn không được khắc phục. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Hoàng A.

Về con chung: Chị và anh Hoàng A chung sống không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Tại Bản khai ngày 06 tháng 3 năm 2019, bị đơn anh Triệu Hoàng A trình bày: Anh và chị Phan Thụy Cẩm T cưới nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPh, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào tháng 5/2014. Vợ chồng chung sống thường xuyên cãi vả và đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nay, anh đồng ý ly hôn. Anh và chị T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Triệu Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.2.1] Chị Phan Thụy Cẩm T và anh Triệu Hoàng A tự nguyện chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TPh, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 10/5/2014. Như vậy, chị T và anh Hoàng A có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thụy Cẩm T và anh Triệu Hoàng A là hợp pháp.

[2.2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T và anh Hoàng A trình bày thống nhất với nhau như sau: Chị T và anh Hoàng A chung sống thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống khiến hôn nhân không hạnh phúc. Chị T và anh Hoàng A đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Xét thấy, chị T và anh Hoàng A không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Hoàng A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị T yêu cầu ly hôn, anh Hoàng A đồng ý. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thụy Cẩm T và anh Triệu Hoàng A thống nhất không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị T và anh Hoàng A không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận tài sản chung và nợ chung không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phan Thụy Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thụy Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thụy Cẩm T được ly hôn với anh Triệu Hoàng A.

- Về con chung: không có.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thụy Cẩm T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phan Thụy Cẩm T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009212 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc